

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+SAVR+VSP02	7:25	9+8+4	0+0+0		0+2+14	0+0+0	
2		TD5+MRM+P11	7:25	0+8+13	0+0+0		0+0+16	0+0+0	chuyen 1 pax td5-MRM
3		TD2+BK14+RP2	9:25	15+1+2	0+0+0		15+3+2	0+0+0	
4		P11+GTCl+RP3	9:25	7+1+12	0+0+0		0+6+11	0+0+0	
5		RC4+RC5+RP1	11:25	1+3+18	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
6		BK10+VSP01	13:25	16+5	0+0		15+5	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK4 - SAVR - VSP02	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4181	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	BK4	09	1	15	1	20	87	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG QUANG HUNG	BK4	05-06	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ANH NGỌC	BK4	97-98	2	17			56	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG ĐĂNG	BK4	07	1	14	1	20	71	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHI HÙNG	BK4	04	1	15			57	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN SỸ	BK4	95-96	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VIỆT TUẤN	BK4	01	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	BK4	03	1	6	1	16	64	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	BK4	300	1	20			74	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	SAVR	36-37	2	9			66	D-HANH	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐÔNG	SAVR	39	1	12	3	86	64	VTEPCO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SỸ	SAVR	38	1	8			53	VTEPCO	Vietnamese
13	LÊ ĐĂNG KHOA	SAVR	92-93	2	16			58	VTEPCO	Vietnamese
14	VŨ THẾ HÙNG	SAVR	23	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
15	PENG RAOSHENG	SAVR	34-35	2	17			61	BAKER HU	Chinese
16	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	54	1	4	2	30	70	PSV	Vietnamese
17	HOANG VĂN TRUNG	VSP02	55	1	3			83	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	VSP02	53	1	11			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	9	618	12	138	3	56	0		
2	SAVR	6	366	9	75	3	86	2		
3	VSP02	3	211	3	18	2	30	14		
TOTAL		18	1.195	24	231	8	172	16		
WEIGHT KG			1.195		231		172			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - MRM - P11	CREW: VTHẮNG - N.ANH - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4185	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HỘI	MRM	62	1	14			66	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VIỆT	MRM	68	1	16			63	DVL	Vietnamese
3	LÊ VĂN THẮNG	MRM	65	1	12			75	DVL	Vietnamese
4	LÝ NHẬT TRƯỞNG	MRM	67	1	13			76	DVL	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ĐỨC	MRM	63	1	10			64	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VINH KHA	MRM	66	1	8			76	DVL	Vietnamese
7	LÊ THÀNH TRUNG	MRM	61	1	14			71	DVL	Vietnamese
8	VŨ DUY CƯỜNG	MRM	64	1	16			86	DVL	Vietnamese
9	BUI VĂN CHÍNH	P11	34	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HÙNG	P11	32	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGỌC LAM	P11	31	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HIỆU	P11	42-43	2	13			74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN XUÂN	P11	29	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN HÙNG	P11	35	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	P11	40	1	7	5	95	62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HẢO	P11	41	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
17	KHUẤT QUANG KIẾN	P11	36	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN MẠO	P11	37-38	2	10			72	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TUẤN	P11	33	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P11	39	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ TIẾN DŨNG	P11	30	1	3			71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYỂN 1 PAX TD5-MRM
2	MRM	8	577	8	103	0	0	0		
3	P11	13	933	15	81	5	95	16		
TOTAL		21	1.510	23	184	5	95	16		
WEIGHT KG			1.510		184		95			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: TD2 - BK14 - RP2	CREW: DU'ONG - N.CU'ONG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4182	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VANEEV DMITRIY	TD2	89	1	11			102	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	95	1	11			84	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2	98	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	97	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MAI NGUYEN PHUOC	TD2	91-92	2	14			88	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2						89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	93	1	5	2	25	53	KHOAN	Vietnamese
8	LE NGOC HOA	TD2	94	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH HONG SON	TD2	87-88	2	14			69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ANH UNG	TD2	85	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
11	TO TUAN DUY	TD2	90	1	12			108	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VAN HOANG	TD2	84	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TRUNG THANH	TD2	96	1	12			64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAO	TD2	99	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH GIAU	TD2	86	1	6			66	PSV	Vietnamese
16	TA HAU THANG	BK14	67	1	5			66	DVL	Vietnamese
17	DO VAN BAO	RP2	53-54	2	15			64	QUYET THA	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THO	RP2	55	1	8			52	QUYET THA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	15	1.167	16	130	2	25	15		
2	BK14	1	66	1	5	0	0	3		
3	RP2	2	116	3	23	0	0	2		
TOTAL		18	1.349	20	158	2	25	20		
WEIGHT KG			1.349		158		25			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

BUI HOANG DU'ONG

PHAN NHU' CU'ONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - GTC1 - RP3	CREW: VTHANG - N.ANH - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM25/4186		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI VAN CHINH	P11	52	1	11			73	MERMAID	Vietnamese
2	PHAM VAN HUY	P11	54-55	2	13	2	25	77	MERMAID	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG PHUC	P11	53	1	10			87	MERMAID	Vietnamese
4	TRAN VAN TOAN	P11	56-57	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HUU DUC	P11	58-59	2	25			79	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN TUNG	P11	51	1	11			67	TRUONG V	Vietnamese
7	PHAM DUC HIEP	P11	49-50	2	16			80	TRUONG V	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN THUAT	GTC1	06	1	9			79	PSV	Vietnamese
9	DO XUAN CONG	RP3	73-74	2	17	2	35	49	SGC	Vietnamese
10	HOANG QUOC VAN	RP3	75-76	2	20			60	SGC	Vietnamese
11	TRAN MANH HUNG	RP3	67	1	7			70	TRUNG TAI	Vietnamese
12	VÔ TẠ HOAN	RP3	65-66	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
13	LUONG MINH KHUE	RP3	70-71	2	18			59	NIPI	Vietnamese
14	HOANG DINH CHIEN	RP3	79	1	5	2	26	66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DUC HUNG	RP3	78	1	8			77	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DANG NGOC	RP3	68	1	5			79	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN LONG	RP3	69	1	5			72	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HIEU	RP3	77	1	5			55	PSV	Vietnamese
19	DOAN TUAN ANH	RP3	64	1	8			62	PSV	Vietnamese
20	TRAN DINH QUANG	RP3	72	1	6			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	7	533	11	103	2	25	0		
2	GTC1	1	79	1	9	0	0	6		
3	RP3	12	787	16	120	4	61	11		
TOTAL		20	1.399	28	232	6	86	17		
WEIGHT KG			1.399		232		86			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THĂNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: RC4 - RC5 - RPI	CREW: LINH - TTRUNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4183	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM BÁ KHANH	RC4	75	1	15			75	PSV	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC PHONG	RC5	98	1	12			53	BA SON	Vietnamese
3	LÊ HỒNG HỢP	RC5	01-02	2	16	1	7	64	BASON	Vietnamese
4	ĐÌNH HOANG LONG	RC5	99	1	3			73	BA SON	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHU	RPI	63	1	14	1	17	78	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HAI	RPI	64-65	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO HAI TUNG	RPI	73	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VĂN TÂM	RPI	72	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHANH	RPI	28-29	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI CÔNG HUÂN	RPI	61-62	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN LẬP	RPI	67	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THAI	RPI	30-31	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC CHÍN	RPI	26-27	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
14	VÕ KIM THÔNG	RPI	69	1	17			62	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HOÀN	RPI	19	1	11			64	XAYLAP	Vietnamese
16	CAO KINH THAO	RPI	24	1	13	2	23	70	T-TIN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HÙNG	RPI	68	1	9			68	PSV	Vietnamese
18	HÀ QUỐC VINH	RPI	70	1	3			70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	RPI	71	1	4			58	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUY	RPI	25	1	9			72	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RPI	66	1	4			73	PSV	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH LAM MINH	RPI	21	1	6			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	1	75	1	15	0	0	1		
2	RC5	3	190	4	31	1	7	0		
3	RPI	18	1.224	23	222	3	40	21		
TOTAL		22	1.489	28	268	4	47	22		
WEIGHT KG			1.489		268		47			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: HÔNG-4	TO: BK10 - VSP01	CREW: LINH - TTRUNG - TOAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4184	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG VAN TUYEN	BK10	21	1	14			92	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN CHIEN	BK10	06	1	10	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HUY	BK10	08	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
4	LE HONG LONG	BK10	04-05	2	16			79	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUY THUAN	BK10	25-26	2	13			55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THE	BK10	03	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẠO ĐÌNH CƯỜNG	BK10	12	1	16			78	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH HOAN	BK10	13-14	2	12			68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG PHÚC	BK10	16	1	10	1	14	63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC THO	BK10	01	1	10	1	13	63	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI NGOC TUAN	BK10	10-11	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRINH THANH GIANG	BK10	24	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TAM	BK10	18,20	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN SY ANH TU	BK10	22	1	15	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LONG	BK10	15	1	16			61	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	BK10	09	1	6			67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	VSP01	94-95	2	10			73	YTE	Vietnamese
18	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	91	1	4			70	PSV	Vietnamese
19	PHAM HUY ĐAU	VSP01	88-89	2	11			69	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	92-93	2	15			61	PSV	Vietnamese
21	HOANG DUC CHINH	VSP01	90	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	16	1.125	21	221	4	57	15		
2	VSP01	5	343	8	44	0	0	5		
TOTAL		21	1.468	29	265	4	57	20		
WEIGHT KG			1.468		265		57			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN THÀNH TRUNG